

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/03/2022
"Về việc ly hôn và chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn và chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Nh (Minh Nh), sinh năm 1997 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 10 Chợ A, xã Đông Hưng, huyện An Minh-Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thanh Tr, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngọc Hiển, xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh- Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 12/4/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nh trình bày và yêu cầu như sau:**

Anh Nh và chị Tr chung sống với nhau tháng 10 năm 2020 đến nay không đăng kết hôn, có làm đám cưới theo phong tục tập quán, lý do không đăng ký kết hôn là tại thời điểm chung sống với nhau phía bên chị Tr giấy tờ tùy thân

không trùng khớp với nhau nên chưa đăng ký kết hôn, sau khi về sống chung với nhau được 05 tháng thì cuộc sống không hợp tính tình với nhau nên chị Tr bỏ anh đi về nhà cha mẹ ruột của chị Tr sống, trong thời xảy ra mâu thuẫn thì gia đình và chính quyền địa phương có tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng chị Tr không đồng ý nên giữa anh Nh và chị Tr sống ly thân với nhau đầu năm 2002 âm lịch cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không kéo dài thêm được nữa nên anh Nh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Trần Thanh Tr.

- Về con chung: Anh Nh xác định chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Khi tổ chức làm lễ cưới cha mẹ anh Nh tặng cho 15 chỉ vàng 24kra, loại vàng 9999. Làm bằng trang suất, 01 chiếc lắc đeo tay 05 chỉ vàng 24kra, 01 dây chuyền 09 chỉ vàng 24kra, 01 đôi hoa tai 01 chỉ, vàng 24kra. Khi đi thì chị Trần Thanh Tr mang theo quản lý. Sau hai lần hòa giải tại Tòa án chị Tr không tham gia nên anh Nh có đơn đề nghị rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung, do đến thời điểm này anh chưa cung cấp được chứng cứ cho tòa án xác định nguồn hình thành tài sản chung.

- Về nợ: Anh Nh xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn chị Trần Thanh Tr không ý kiến**

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn anh Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định anh Nh và chị Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh Nh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Tr, thấy rằng hôn nhân giữa anh Nh và chị Tr vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên khi anh Nh có đơn khởi kiện xin ly hôn thì căn cứ vào Điều 14

Luật hôn nhân và gia đình giải quyết, khoản 1 Điều 14 ghi: “ Nam và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” áp dụng vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Nh và chị Trần Thanh Tr.

- Về con chung: Anh Nh và chị Tr chưa có con chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Anh Nh có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với chị Tr, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh Nh là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án do anh Nh khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung đối với chị Tr. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho chị Tr, hết thời gian quy định nhưng chị Tr không ý kiến nên Tòa án nhân dân huyện An Minh tiến hành các thủ tục tiếp theo chị Tr vẫn vắng mặt, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh Nh rút lại khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản của anh Nh là tự nguyện, phù hợp quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 217 đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nh. Về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ trả lại cho anh Nh tiền tạm ứng án phí và anh Nh có quyền khởi kiện lại vụ vụ án theo quy định Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Xét về quan hệ hôn nhân:* Anh Nh và chị Tr chung sống với nhau như vợ chồng năm 2020 mãi cho đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh Nh khởi kiện xin ly hôn đối với chị Tr, xét thấy, anh Nh và chị Tr chung sống với nhau như vợ chồng 2020 đến nay không đăng ký kết hôn nên vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nay anh Nh có đơn khởi kiện xin ly hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 “ *Nam và Nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều

53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn (Minh) Nh và chị Trần Thanh Tr.

[3]. *Về con chung*: Anh Nh xác định anh Nhựt và chị Tr chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. *Về tài sản*: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung giữa anh Nguyễn Văn Nh đối với chị Trần Thanh Tr.

[5]. *Về nợ*: Anh Nh xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 238, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn (Minh) Nh và chị Trần Thanh Tr.

[2]. *Về con chung*: Anh Nh xác định, không có con chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản*: Đình chỉ xét xử phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa anh Nh đối với chị Tr.

Về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ xét xử, trả lại cho anh Nh tiền tạm ứng án phí mà anh Nh tạm nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, anh Nh có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nợ chung*: Anh Nh xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[5]. *Về án phí sơ thẩm*: Buộc anh Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), án phí ly hôn, nhưng được trừ vào 1.175.000 đồng mà anh tạm nộp theo biên lai số 0000932 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện An Minh. Trả lại cho anh Nh 875.000 đồng tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6].Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tổng đạt hợp lệ theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Mỹ Huê